TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 139/2024/DS-PT
Ngày: 15/7/2024
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ánh Bình
Các Thẩm phán: -Ông Đặng Văn Lộc
-Ông Lâm Triệu Hữu

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Bích Liễu – Thẩm tra viên Tòa án tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: bà Lữ Thị Tuyết Lan – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19/6/2024 và 15/7/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 115/2024/TLPT - DS, ngày 06 tháng 5 năm 2024, về việc: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản* ".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 33/2024/DSST, ngày 26 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 135/2024/QĐ - PT, ngày 13 tháng 5 năm 2024 giữa:

1. Nguyên đơn: bà Huỳnh Thị Thu H**,** sinh năm 1961. Địa chỉ: ấp B, xã H, huyên Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là chị Nguyễn Phan Ngọc Nh, sinh năm 2001. Địa chỉ: khóm H, phường B, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vinh Long (theo văn bản ủy quyền ngày 17/10/2023) (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là Luật sư Trần Hồ N (Công ty Luật N và cộng sự) thuộc đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

2. Bị đơn: bà Nguyễn Thị Luận E, sinh năm 1957. Địa chỉ: ấp B, xã P, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của bị đơn là ông Nguyễn T, sinh năm 1958. Địa chỉ: đường L, phường H, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long (theo văn bản ủy quyền ngày 06/6/2024) (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm nội dung vụ án như sau:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Thu H và quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Phan Ngọc Nh là người đại diện hợp pháp của bà Hà trình bày:

Bà Huỳnh Thị Thu H và bà Nguyễn Thị Luận E quen biết nhau nhiều năm, bà H có cho bà Luận E mượn tiền nhiều lần, cụ thể như sau:

-Ngày 29/9/2022 dl (04/09/2022 ÂL) số tiền 100.000.000đ
-Ngày 28/10/2022 dl (04/10/2022 ÂL) số tiền 30.000.000đ
-Ngày 07/11/2022 dl (14/10/2022 ÂL) số tiền 250.000.000đ
-Ngày 17/11/2022 dl (24/10/2022 ÂL) số tiền 20.000.000đ
-Ngày 27/11/2022 dl (04/11/2022 ÂL) số tiền 40.000.000đ
-Ngày 26/12/2022 dl (04/12/2022 ÂL) số tiền 10.000.000đ
-Ngày 07/12/2022 dl (14/11/2022 ÂL) số tiền 80.000.000đ
-Ngày 20/12/2022 dl (27/11/2022 ÂL) số tiền 10.000.000đ
-Ngày 26/12/2022 dl (04/12/2022 ÂL) số tiền 5.000.000đ
-Ngày 26/12/2022 dl (04/12/2022 ÂL) số tiền 50.000.000đ
-Ngày 05/01/2023 dl (14/12/2022 ÂL) số tiền 100.000.000đ
- Ngày 29/01/2023 dl (08/01/2023 ÂL) số tiền 15.000.000đ
-Ngày 17/02/2023 dl (27/01/2023 ÂL) số tiền 65.000.000đ
-Ngày 17/02/2023 dl (27/01/2023 ÂL) số tiền 15.000.000đ
-Ngày 23/02/2023 dl (04/02/2023 ÂL) số tiền 10.000.000đ
- Ngày 25/3/2023 dl (04/02/2023 nhuần ÂL) số tiền 7.500.000đ
-Ngày 05/3/2023 dl (14/02/2023 ÂL) số tiền 65.000.000đ
-Ngày 17/3/2023 dl (26/02/2023 ÂL) số tiền 30.000.000đ
-Ngày 01/6/2023 dl (14/4/2023 ÂL) số tiền 65.000.000đ
-Ngày 21/6/2023 dl (04/5/2023 ÂL) số tiền 10.000.000đ
-Ngày 31/7/2023 dl (14/6/2023 ÂL) số tiền 65.000.000đ
-Ngày 11/8/2023 dl (24/6/2023 ÂL) số tiền 15.000.000đ
-Ngày 19/8/23023 dl (04/7/2023 ÂL) số tiền 15.000.000đ
-Ngày 19/8/2023 dl (04/7/2023 ÂL) số tiền 33.000.000đ
-Ngày 29/8/2023 dl (14/7/2023 ÂL) số tiền 65.000.000đ
-Ngày 04/9/2023 dl (20/7/2023 ÂL) số tiền 313.000.000đ.

Tổng cộng 26 lần với số tiền là 1.483.500.000đ.

Các lần bà Luận E mượn tiền bà H nêu trên đều có làm biên nhận và do bà Luận E viết và ký tên, hai bên thỏa thuận lãi suất là 2%/tháng, bà H có nhận được tiền lãi theo thỏa thuận là 216.000.000đồng, thời gian trả vốn thì có thỏa thuận mấy ngày trả, có lúc thì bà Luận E nói bán đất trả, cũng vì quen biết và bà Luận E có đóng lãi nên sự việc mới kéo dài đến nay. Đối với phần đất thửa 2789, tờ bản đồ 3, tọa lạc tại ấp A, xã P, huyện Long Hồ mà bà Luận E đã thế chấp cho bà H thì hiện tại bà Luận E đã bán cho người khác nên bà H không có yêu cầu đối với phần đất thế chấp. Riêng biên nhận ngày 04/9/2023dl (20/7/2023ÂL) bà H cho bà Luận E

mượn số tiền 313.000.000đ, do biên nhận này bị thất lạc này nên bà H rút lại một phần yêu cầu, không yêu cầu bà Luận E trả số tiền 313.000.000đ.

Bà H khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Luận E có nghĩa vụ trả bà H số tiền 1.170.500.000 đồng (Một tỷ, một trăm bảy mươi triệu, năm trăm nghìn đồng), không yêu cầu tính lãi.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Luận E có ông Nguyễn T là người đại diện hợp pháp trình bày:

Bà Nguyễn Thị Luận E thừa nhận có vay tiền của bà Huỳnh Thị Thu H, cụ thể như sau: Ngày 01/3/2022 bà Luận E vay của bà H số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), thời hạn vay 03 tháng (từ 01/3/2022 đến 01/6/2022), lãi suất thỏa thuận là 15%/tháng, mục đích vay tiền để bồi lấp đất, có làm hợp đồng vay ngày 01/3/2022 tại Văn phòng công chứng Lê Văn C. Để đảm bảo việc trả nợ, bà Luận E có thế chấp cho bà H quyền sử dụng đất số phát hành AĐ 531072, số vào sổ cấp GCN: H 54039 do UBND huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 14/3/2006, là thửa đất số 2789, tờ bản đồ số 3, diện tích 25m^2, tọa lạc tại ấp A, xã P, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Số tiền vốn vay 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), bà H ép bà Luận E hàng tháng phải trả lãi với mức lãi suất 15%, số tiền là 7.500.000đ (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng). Vì lãi quá cao nên có tháng bà Luận E đóng tiền lãi, có tháng không đóng được, nếu không đóng lãi thì bà H cộng lãi thành tiền vốn. Tháng 12/2022 bà Luận E đã trả cho bà H tiền vốn 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) và trả tiền lãi 230.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi triệu đồng) có viết giấy trả nợ ngày 13/4/2023. Bà H cho rằng bà Luận E trả lãi chưa đủ nên mới nâng lãi suất lên 30%/tháng, vì bà H mượn tiền của người khác lãi suất cũng 30%/tháng, mỗi lần bà H ép bà Luận E ký xác nhận chuyển tiền lãi thành tiền vốn (bằng các từ như thiếu, nợ,....) thì bà Luận E phải ký vô một tờ giấy do bà H viết sẵn nội dung rồi ép bà Luận E ký, số giấy tờ này sau đó bà H gom lại cất giữ và đến tháng 10/2023 bà H ép bà Luận E ký giấy nợ và trả lại các giấy tờ này cho bà Luận E. Đối với 25 biên nhận nợ do bà H cung cấp cho Tòa án đều do Luận E viết và ký tên, nhưng bà Luận E bị bà H ép buộc phải viết và ký tên vào các biên nhận đó.

Bà Luận E không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà H, không đồng ý trả bà H số tiền 1.170.500.000đ (Một tỷ, một trăm bảy mươi triệu, năm trăm nghìn đồng). Vì đây là số tiền lãi bà H ép bà Luận E viết và ký biên nhận, bà Luận E đã trả số tiền vay 50.000.000đ và tiền lãi 230.000.000đ cho bà H xong, không còn nợ.

Đối với thửa đất số 2789, tờ bản đồ số 3, diện tích 25,0m^2, tọa lạc tại ấp A, xã P, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long, bà H giới thiệu

cho bà Luận E bán đất cho người khác xong. Bà Luận E không có yêu cầu đối với quyền sử dụng đất thế chấp cho bà H.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 33/2024/DS-ST ngày 26/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long quyết định:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 463, 466, 470 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, 14 Nghị

quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Thu H khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Luận E trả cho bà H số tiền 954.500.000đ.

Đình chỉ đối với bà H rút yêu cầu bà Luận E trả cho bà số tiền 313.000.000đ.

Bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Trong thời hạn luật định bà Huỳnh Thị Thu H kháng cáo, với nội dung cụ thể như sau:

Bà H yêu cầu xử buộc bà Nguyễn Thị Luận E phải trả bà H số tiền 954.500.000đ (chín trăm năm mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn bà Nguyễn Thị Luận E có cung cấp giấy xác nhận của ông Nguyễn Văn M và ông Nguyễn Văn U.

Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Thu H thay đổi một phần nội dung kháng cáo: cụ thể 09 biên nhận thể hiện tiền lãi bà H không yêu cầu bà Luận E phải trả, còn lại 16 biên nhận tổng số tiền 777.500.000đ trừ số tiền 230.000.000đ bà Luận E đã trả, còn lại 547.500.000đ, nhưng bà H chỉ yêu cầu bà Luận E trả số tiền 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng).

Bị đơn bà Nguyễn Thị Luận E không đồng ý với đơn kháng cáo của bà Huỳnh Thị Thu H. Bà Luận E thừa nhận toàn bộ 25 biên nhận mà bà H cung cấp là do bà Luận E viết và ký tên, tuy nhiên bà Luận E trình bày do bị bà H ép buộc viết biên nhận tiền lãi 30%/tháng của số tiền 50.000.000đ vay đã trả xong.

Luật sư Trần Hồ N gửi bản luận cứ bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn Huỳnh Thị Thu H:

Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng các Điều 463, 466, 470 Bộ luật dân sự 2015, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Thu H. Buộc bà Nguyễn Thị Luận E có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị Thu H tổng số tiền gốc là 547.500.000đ.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Huỳnh Thị Thu H;

Sửa án sơ thẩm. Buộc bà Nguyễn Thị Luận E có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị Thu H số tiền 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng).

Về án phí sơ thẩm: bà H phải chịu án phí đối với phần yêu cầu không được chấp nhận. Bà Luận E phải chịu án phí đối với số tiền phải trả cho bà H. Tuy nhiên

bà H và bà Luận E là người cao tuổi, có đơn đề nghị miễn án phí nên miễn toàn bộ án phí cho bà H và bà Luận E.

Án phí phúc thẩm: bà H không phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về tố tụng:

[1] Bà Huỳnh Thị Thu H kkháng cáo yêu cầu bà Nguyễn Thị Luận E trả số tiền vay 954.500.000đ. Tại phiên tòa phúc thẩm bà H thay đổi một phần kháng cáo, bà H yêu cầu bà Luận E trả tổng cộng số tiền 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng). Xét việc thay đổi một phần kháng cáo của bà H không vượt phạm vi kháng cáo ban đầu theo quy định tại khoản 3 Điều 298 của Bộ luật tố tụng dân sự. nên được chấp nhận.

Về nội dung:

[1] Xét bà H trình bày, bà có cho bà Luận E vay tiền nhiều lần, từ năm 2022 đến năm 2023, các lần vay mượn tiền đều có làm biên nhận nợ, bà H có cung cấp 25 biên nhận nợ có chữ viết, chữ ký của bà Nguyễn Thị Luận E, cụ thể như sau:

-Ngày 29/9/2022 dl (04/09/2022 ÂL) số tiền 100.000.000đ
-Ngày 28/10/2022 dl (04/10/2022 ÂL) số tiền 30.000.000đ
-Ngày 07/11/2022 dl (14/10/2022 ÂL) số tiền 250.000.000đ
-Ngày 17/11/2022 dl (24/10/2022 ÂL) số tiền 20.000.000đ
-Ngày 27/11/2022 dl (04/11/2022 ÂL) số tiền 40.000.000đ
-Ngày 26/12/2022 dl (04/12/2022 ÂL) số tiền 10.000.000đ
-Ngày 07/12/2022 dl (14/11/2022 ÂL) số tiền 80.000.000đ
-Ngày 20/12/2022 dl (27/11/2022 ÂL) số tiền 10.000.000đ
-Ngày 26/12/2022 dl (04/12/2022 ÂL) số tiền 5.000.000đ
-Ngày 26/12/2022 dl (04/12/2022 ÂL) số tiền 50.000.000đ
-Ngày 05/01/2023 dl (14/12/2022 ÂL) số tiền 100.000.000đ
- Ngày 29/01/2023 dl (08/01/2023 ÂL) số tiền 15.000.000đ
-Ngày 17/02/2023 dl (27/01/2023 ÂL) số tiền 65.000.000đ
-Ngày 17/02/2023 dl (27/01/2023 ÂL) số tiền 15.000.000đ
-Ngày 23/02/2023 dl (04/02/2023 ÂL) số tiền 10.000.000đ
- Ngày 25/3/2023 dl (04/02/2023 nhuần ÂL) số tiền 7.500.000đ
-Ngày 05/3/2023 dl (14/02/2023 ÂL) số tiền 65.000.000đ
-Ngày 17/3/2023 dl (26/02/2023 ÂL) số tiền 30.000.000đ
-Ngày 01/6/2023 dl (14/4/2023 ÂL) số tiền 65.000.000đ
-Ngày 21/6/2023 dl (04/5/2023 ÂL) số tiền 10.000.000đ
-Ngày 31/7/2023 dl (14/6/2023 ÂL) số tiền 65.000.000đ
-Ngày 11/8/2023 dl (24/6/2023 ÂL) số tiền 15.000.000đ
-Ngày 19/8/23023 dl (04/7/2023 ÂL) số tiền 15.000.000đ
-Ngày 19/8/2023 dl (04/7/2023 ÂL) số tiền 33.000.000đ
-Ngày 29/8/2023 dl (14/7/2023 ÂL) số tiền 65.000.000đ

Tổng cộng số tiền là 1.170.500.000đ.

[2] Bà H trình bày, nguồn tiền để cho bà Luận E vay là do bà H mượn của những người khác về cho bà Luận E vay lại. Cụ thể mượn của ông U, ông M Xét thấy tại cấp sơ thẩm, ông U, ông M đều có ý kiến xác nhận có cho bà H vay mượn tiền, bà H đã thanh toán đầy đủ khoản tiền đã vay. Tại cấp phúc thẩm, bà Luận E cung cấp giấy xác nhận của ông Nguyễn Văn U và ông Nguyễn Văn M thể hiện ông U, ông M không có cho bà H vay mượn tiền. Xét lời trình bày của ông U, ông M có mâu thuẩn nhau nên không làm căn cứ để giải quyết vụ án.

[3] Xét bà Nguyễn Thị Luận E thừa nhận có vay mượn tiền của bà H, nhưng chỉ vay một lần số tiền 50.000.000đ vào ngày 01/3/2022, có lập hợp đồng vay cùng ngày tại Văn phòng Công chứng Lê Văn Ch, sau đó bà Luận E đã trả xong tiền gốc 50.000.000đ và tiền lãi 230.000.000đ, có viết giấy trả nợ vào ngày 13/4/2023, ngoài ra bà Luận E không nợ khoản tiền nào khác của bà H. Bà Luận E thừa nhận chữ viết, chữ ký tại 25 biên nhận do bà H cung cấp là do bà Luận E viết và ký tên, các biên nhận này đều là tiền lãi và do bà H ép bà Luận E viết và ký tên. Tại phiên tòa phúc thẩm bà Luận E trình bày do sĩ diện với gia đình nên bà không báo cho chồng con biết, cũng không báo với chính quyền địa phương về việc bị bà H ép viết 25 biên nhận nợ trong thời gian một năm. Bà Luận E cũng không chứng minh được cách tính lãi suất như đã trình bày là 30%/tháng của số tiền gốc 50 triệu đồng. Ngoài lời trình bày thì bà Luận E không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh bị H ép buộc viết 25 biên nhận, bà H không thừa nhận nên có căn cứ xác định bà Luận E có vay mượn tiền của bà H chưa thanh toán nên bà H vẫn đang giữ các biên nhận gốc.

[4] Xét 25 biên nhận do bà H cung cấp (bút lục 78-102) thể hiện tổng số tiền là 1.170.500.000đ, trong đó có nhiều biên nhận thể hiện thiếu tiền lời, mượn để đóng lời, ví dụ như biên nhận ngày 04/11/2022 AL "mượn đóng lời Thu H", biên nhận ngày 27/01/2023 ÂL "có thiếu Thu H trong một tháng sẽ trả 65 triệu nếu không có phải trả số bạc một trăm ba chục triệu lời", biên nhận ngày 14/02/2023 ÂL "có mượn Thu H sáu mươi lăm nếu có tiền trả sáu mươi lăm triệu nếu không tiền thì trả một trăm ba mươi triệu", biên nhận ngày 26/02/2023 al "có mượn đóng số tiền ba chục triệu đồng, nếu có tiền tôi trả mười lăm triệu thôi, nếu không có trả Ba chục triệu như trên", biên nhận ngày 27/01/2023 al có nội dung "có thiếu số bạc mười lăm triệu lời", biên nhận ngày 14/4/2023 al "thiếu sáu mươi lăm triệu tháng tư chưa đóng lãi". Trung bình một tháng bà Luận E viết 03 biên nhận cho bà H, mỗi biên nhận cách nhau khoảng 10 ngày, có ngày ghi liên tục 02 biên nhận. Như vậy có căn cứ xác định trong 25 biên nhận nêu trên có tiền gốc và tiền lãi.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H không yêu cầu bà Luận E trả các biên nhận nợ có thể hiện tiền lãi tổng cộng 09 biên nhận, còn lại 16 biên nhận với tổng số tiền 777.500.000đ, trừ số tiền bà Luận E đã trả 230.000.000đ, còn lại 547.500.000đ, nhưng bà H chỉ yêu cầu bà Luận E trả cho bà số tiền 500.000.000đ. Tuy nhiên, qua xem xét các biên nhận nợ có 11 biên nhận thể hiện nội dung bà Luận E vay mượn tiền của bà H, có cam kết trả nợ gồm:

-Ngày 29/9/2022 dl (04/09/2022 ÂL) số tiền 100.000.000đ

-Ngày 28/10/2022 dl (04/10/2022 ÂL) số tiền 30.000.000đ

-Ngày 07/11/2022 dl (14/10/2022 ÂL) số tiền 250.000.000đ
-Ngày 17/11/2022 dl (24/10/2022 ÂL) số tiền 20.000.000đ
-Ngày 26/12/2022 dl (04/12/2022 ÂL) số tiền 10.000.000đ
-Ngày 07/12/2022 dl (14/11/2022 ÂL) số tiền 80.000.000đ
-Ngày 20/12/2022 dl (27/11/2022 ÂL) số tiền 10.000.000đ
-Ngày 26/12/2022 dl (04/12/2022 ÂL) số tiền 5.000.000đ
-Ngày 05/01/2023 dl (14/12/2022 ÂL) số tiền 100.000.000đ
- Ngày 29/01/2023 dl (08/01/2023 ÂL) số tiền 15.000.000đ
-Ngày 23/02/2023 dl (04/02/2023 ÂL) số tiền 10.000.000đ
Tổng cộng số tiền là **630.000.000đ** được chấp nhận

*Có 14 biên nhận thể hiện bà Luận E thiếu tiền lời, mượn đóng lời, chưa đóng lãi, cụ thể như sau:

-Ngày 27/11/2022 dl (04/11/2022 ÂL) số tiền 40.000.000đ
-Ngày 26/12/2022 dl (04/12/2022 ÂL) số tiền 50.000.000đ
-Ngày 17/02/2023 dl (27/01/2023 ÂL) số tiền 65.000.000đ
-Ngày 17/02/2023 dl (27/01/2023 ÂL) số tiền 15.000.000đ
- Ngày 25/3/2023 dl (04/02/2023 nhuần ÂL) số tiền 7.500.000đ
-Ngày 05/3/2023 dl (14/02/2023 ÂL) số tiền 65.000.000đ
-Ngày 17/3/2023 dl (26/02/2023 ÂL) số tiền 30.000.000đ
-Ngày 01/6/2023 dl (14/4/2023 ÂL) số tiền 65.000.000đ
-Ngày 21/6/2023 dl (04/5/2023 ÂL) số tiền 10.000.000đ
-Ngày 31/7/2023 dl (14/6/2023 ÂL) số tiền 65.000.000đ
-Ngày 11/8/2023 dl (24/6/2023 ÂL) số tiền 15.000.000đ
-Ngày 19/8/23023 dl (04/7/2023 ÂL) số tiền 15.000.000đ
-Ngày 19/8/2023 dl (04/7/2023 ÂL) số tiền 33.000.000đ
-Ngày 29/8/2023 dl (14/7/2023 ÂL) số tiền 65.000.000đ
Tổng cộng số tiền là **540.500.000đ** không được chấp nhận

[6] Như đã phân tích trên, có căn cứ xác định bà Luận E có vay mượn của bà H số tiền 630.000.000đ (theo 14 biên nhận nêu trên). Ngày 13/4/2023 bà Luận E có trả cho bà H số tiền 230.000.000đ, bà H trình bày trong số tiền 230.000.000đ có 14.000.000đ là tiền hoa hồng chuyển nhượng đất, nhưng bà Luận E không thừa nhận, bà H không chứng minh được nên xác định bà H có nhận của bà Luận E số tiền 230.000.000đ, bà H đồng ý khấu trừ số tiền này vào tiền gốc nên được tính 630.000.000d0 - 230.000.000đ = 400.000.000đ.

Do đó kháng cáo của bà H có căn cứ chấp nhận một phần, buộc bà Nguyễn Thị Luận E có nghĩa vụ trả bà Huỳnh Thị Thu H số tiền 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng). Không chấp yêu cầu của bà H buộc bà Luận E trả số tiền 500.000.000đ.

Xét luận cứ của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận một phần.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định trên nên được chấp nhận.

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 33/2024/DS-ST ngày 26/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

[7] Về án phí: căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí dân sự sơ thẩm: bà H phải chịu án phí đối với phần yêu cầu không được chấp nhận. Bà Luận E phải chịu án phí đối với số tiền phải trả cho bà H. Tuy nhiên bà Hà và bà Luận E là người cao tuổi, có đơn đề nghị miễn án phí nên miễn toàn bộ án phí cho bà H và bà Luận E.

-Án phí dân sự phúc thẩm: do sửa án nên bà H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bà Huỳnh Thị Thu H;

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 33/2024/DS-ST ngày 26/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ Điều 463,466 của Bộ luật dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 29 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Thu H;

Buộc bà Nguyễn Thị Luận E có nghĩa vụ trả bà Huỳnh Thị Thu H số tiền 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2.Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: bà Huỳnh Thị Thu H và bà Nguyễn Thị Luận E được miễn án phí do thuộc trường hợp người cao tuổi.

Án phí dân sự phúc thẩm: bà Huỳnh Thị Thu H không phải chịu án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều

9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND cùng cấp;
- CCTHADS huyện Long Hồ;
- TAND huyện Long Hồ,
- Đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Đặng Thị Ánh Bình